

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-VP
V/v niêm yết công khai TTHC
thuộc lĩnh vực Đường thủy nội địa

Chí Linh, ngày tháng 4 năm 2024

Kính gửi:

- Các phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, phường;

Ngày 29/03/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 765/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải. Trong đó:

1. Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung: 01 thủ tục hành chính dùng chung cấp tỉnh, cấp huyện, 05 thủ tục hành chính cấp thành phố (Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm).

2. Phê duyệt 05 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm).

3. Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND thành phố (Chi tiết, có Phụ lục III đính kèm).

Danh mục thủ tục hành chính và Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 29/03/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh được công khai trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Hải Dương tại địa chỉ <https://dichvucong.haiduong.gov.vn> và Cổng thông tin điện tử của UBND thành phố Chí Linh tại địa chỉ <http://www.chilinh.haiduong.gov.vn>.

UBND thành phố Chí Linh thông báo đến các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thương

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Kèm theo Công văn số /UBND-VP ngày tháng 4 năm 2024 của UBND thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DÙNG CHUNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA				
1.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa.	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Quầy tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trừ	Không	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định. - Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố đối với bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY				
1.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội	- Thời hạn Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải (đối với trường hợp bến thủy	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND thành phố Chí Linh	- không	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	địa	<p>nội địa trong vùng nước cảng biển) có văn bản trả lời: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>- Thời hạn thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải (đối với trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển).</p>			<p>- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.</p>
2.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND thành phố Chí Linh	Không	<p>- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;</p> <p>- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	trình chính.				định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
3.	Công bố hoạt động bến thủy nội địa.	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND thành phố Chí Linh	- Phí thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
4.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND các huyện, thị xã,	- Phí thẩm tra, thẩm định:	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.		thành phố	100.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
5.	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố	- Phí thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
(Kèm theo Công văn số /UBND-VP
ngày tháng 4 năm 2024 của UBND thành phố)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP HUYỆN

1. Thủ tục Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa

1.1. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư

1.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	½ ngày làm việc
B2	Tiếp nhận hồ sơ, Thẩm định, trình lãnh đạo UBND huyện lấy ý kiến Chi cục đường thủy nội địa khu	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	Không quy định
B3	Ký văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo UBND huyện	Không quy định
B4	Trả lời ý kiến	Chi cục đường thủy nội địa khu	05 ngày làm việc
B5	Tổng hợp ý kiến, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	03 ngày làm việc

B6		Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	1,5 ngày làm việc
B7		Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	½ ngày làm việc
B8		Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

1.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/2 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố duyệt lấy ý kiến cơ quan, đơn vị liên quan.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của UBND cấp huyện, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Quá thời hạn trên nếu tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được coi là đã chấp thuận và phải chịu trách nhiệm do việc không trả lời hoặc trả lời chậm trễ gây ra.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

Trong thời hạn ½ ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

2. Thủ tục Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.

2.1. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	½ ngày làm việc
B2	Tiếp nhận hồ sơ, Thẩm định, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	03 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	01 ngày làm việc
B4	Chuyển hồ sơ/kết quả đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	½ ngày
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

2.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/2 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố lập

phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

- Trong thời hạn ½ ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Thủ tục Công bố hoạt động bên thủy nội địa.

3.1. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	½ ngày làm việc
B2	Tiếp nhận hồ sơ, Thẩm định, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	03 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	01 ngày làm việc
B4	Chuyển hồ sơ/kết quả đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	½ ngày
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

3.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/2 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận một cửa lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

- Trong thời hạn ½ ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố qua dịch vụ bưu chính công ích.

4. Thủ tục Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.

4.1. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	½ ngày làm việc
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	03 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	01 ngày làm việc
B4	Chuyển hồ sơ/kết quả đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	½ ngày làm việc
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

4.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/2 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.

Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận một cửa lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

Trong thời hạn ½ ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

5. Thủ tục Công bố lại hoạt động bên thủy nội địa.

5.1. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	½ ngày làm việc
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	03 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	01 ngày làm việc
B4	Chuyển hồ sơ/kết quả đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	½ ngày
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

5.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/2 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

Trong thời hạn ½ ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
(Kèm theo Công văn số /UBND-VP
ngày tháng 4 năm 2024 của UBND thành phố)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Ghi chú
I	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (Đã Công bố theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)			
1.	1.009453.000.00.00.H23	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bên thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	<i>Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa</i>	
2.	1.009455.000.00.00.H23	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bên thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	<i>Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa</i>	
3.	1.003658.000.00.00.H23	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	<i>Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa</i>	
4.	1.009444.000.00.00.H23	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	<i>Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa</i>	